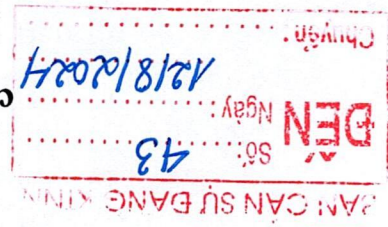


QUY CHẾ LÀM VIỆC

của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam



- Căn cứ Điều lệ Đảng;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XIII;
 - Căn cứ Quy định số 97-QĐ/TW, ngày 07/02/2023 của Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương;
 - Xét đề nghị của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,
- Bộ Chính trị ban hành Quy chế làm việc của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như sau:

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (gọi tắt là Đảng đoàn) là tổ chức đảng do Bộ Chính trị quyết định thành lập, chịu sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Đảng đoàn có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban Trung ương, Đoàn Chủ tịch, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các quy định, hướng dẫn của Trung ương Đảng; lãnh đạo hiệp thương, phối hợp thông nhất hành động giữa các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đảng đoàn có con dấu theo quy định của Ban Bí thư.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban Trung ương, Đoàn Chủ tịch, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quán triệt, cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành nhiệm vụ chính trị, chương trình, kế hoạch để thực hiện trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị trong triển khai thực hiện.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chính trị: Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; thực hiện giám sát và phân bổ xã hội; tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân để phân ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước; thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân.

3. Xem xét, thảo luận, quyết nghị đối với chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo về các nội dung công tác: Sửa đổi Luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hướng dẫn thực hiện Điều lệ, các nghị quyết liên tịch của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các nghị quyết của Trung ương Đảng; các cuộc vận động, phong trào có tính toàn dân, toàn quốc; chương trình giám sát và phân bổ xã hội hằng năm; ra lời kêu gọi, tuyên bố (khi cần thiết) đối với những vấn đề quốc tế liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; lãnh đạo hiệp thương bầu cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp theo chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các nội dung quan trọng khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo đề xuất của Bí thư Đảng đoàn, các thành viên Đảng đoàn. Định hướng nội dung cơ bản đối với các dự án luật, pháp lệnh, văn bản quy phạm pháp luật được giao soạn thảo, nhưng nội dung, giải pháp lớn để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

4. Triển khai thi điểm một số chủ trương mới theo quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư liên quan đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện thi điểm.

5. Đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề lớn liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và những chủ trương, giải pháp quan trọng liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác tổ chức cán bộ theo phân công, phân cấp.

6. Lãnh đạo, chịu trách nhiệm toàn diện về tổ chức, bộ máy và biên chế; công tác cán bộ và quản lý đối ngũ cán bộ theo phân cấp. Lãnh đạo việc xây dựng và ban hành quy định về phân cấp, thẩm quyền, trách nhiệm, nội dung quản lý cán bộ; quy trình, thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, điều động, biệt phái đối với cán bộ thuộc diện quản lý và hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện.

7. Lãnh đạo công tác kiểm tra việc chấp hành hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực được phân công. Cho chủ trương, quan điểm xử lý kỷ luật đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý, theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định của Trung ương.

8. Phối hợp với các ban, cơ quan đang ở Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Phối hợp với Đảng ủy Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng Đảng bộ Cơ quan trong sạch, vững mạnh.

Điều 3. Quyền hạn

1. Thực hiện quyền hạn theo quy định và chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các quyết định của mình.

2. Được sử dụng bộ máy Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ.

3. Cử đại diện tham dự các cuộc họp do Bộ Chính trị, Ban Bí thư triệu tập.

4. Được các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; các báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề và các thông tin, tài liệu liên quan đến quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Việc cung cấp thông tin cho các thành viên Đảng đoàn do Bí thư Đảng đoàn (hoặc Phó Bí thư Đảng đoàn được ủy quyền, hoặc thành viên Đảng đoàn được ủy quyền trong trường hợp Đảng đoàn chưa kiện toàn Phó Bí thư Đảng đoàn) xem xét, quyết định.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

Thành viên Đảng đoàn gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký và các Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội; Ủy viên Trung ương Đảng (chính thức và dự khuyết) tham gia Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Trưởng Ban Tổ chức cán bộ Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm Bí thư Đảng đoàn, Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm Phó Bí thư Đảng đoàn.

Điều 5. Nguyên tắc làm việc

1. Đảng đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số. Đối với những nội dung công tác quan trọng vượt thẩm quyền phải xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Đảng đoàn được ủy quyền cho các thành viên Đảng đoàn chuyên trách công tác Mặt trận (công tác tại Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) lãnh đạo, chỉ đạo, quyết định công tác tổ chức, cán bộ, thực hiện nhiệm vụ chính trị thường xuyên của Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và phối hợp với Đảng ủy Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Khi có yêu cầu, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, Đảng đoàn tham gia ý kiến đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đang công tác ở Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Khi các thành viên Đảng đoàn có ý kiến khác nhau, không thống nhất (biểu quyết không đạt quá bán) thì báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Đảng đoàn chủ trì, phối hợp công tác với đảng đoàn của các tổ chức thành viên trong hiệp thương phối hợp, thống nhất hành động và phối hợp công tác khi có yêu cầu.

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Đảng đoàn họp định kỳ 1 quý một lần, họp chuyên đề, đột xuất khi cần thiết; các thành viên Đảng đoàn chuyên trách công tác Mặt trận họp 1 tháng một lần, họp chuyên đề, đột xuất khi cần thiết. Các cuộc họp được thực hiện khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; tài liệu cuộc họp được gửi đến các thành viên Đảng đoàn ít nhất trước 3 ngày; nội dung các cuộc họp phải được ghi biên bản, có kết luận hoặc nghị quyết để thực hiện. Trường hợp cần thiết hoặc đột xuất không tổ chức họp được thì xin ý kiến các thành viên bằng văn bản hoặc bằng hình thức điện tử (trừ nội dung về danh gia, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; thảo luận về nhân sự diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý), kết quả xin ý kiến có giá trị như cuộc họp.

2. Bí thư Đảng đoàn điều hành công việc chung, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; triệu tập, chủ trì hoặc ủy quyền để Phó Bí thư Đảng đoàn chủ trì các cuộc họp; trực tiếp ký các văn bản của Đảng đoàn hoặc xem xét, ủy quyền để Phó Bí thư Đảng đoàn ký văn bản theo quy định.

3. Phó Bí thư Đảng đoàn được phân công giải quyết công việc thường xuyên, trực tiếp phụ trách Văn phòng Đảng đoàn; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo phân công.

4. Căn cứ nội dung cuộc họp, Đảng đoàn mời đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự. Cuộc họp có nội dung về công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức cán bộ, Đảng đoàn mời đại diện các ban đảng ở Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham dự.
5. Định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu, Đảng đoàn báo cáo Ban Bí thư về tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Đảng đoàn.

Điều 7. Văn phòng Đảng đoàn

1. Đảng đoàn thành lập Văn phòng chuyên trách gồm Chánh Văn phòng, 1 Phó Chánh Văn phòng và một số cán bộ giúp việc chuyên trách thuộc biên chế của Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Đảng đoàn ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và Quy chế hoạt động của Văn phòng Đảng đoàn.

3. Văn phòng Đảng đoàn quản lý và sử dụng con dấu theo quy định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA THÀNH VIÊN ĐẢNG ĐOÀN

Điều 8. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Đảng đoàn

1. Có trách nhiệm thực hiện các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng đoàn. Chịu trách nhiệm trước Đảng đoàn, Ban Bí thư Đảng đoàn về lĩnh vực công tác được phân công, uỷ quyền; chỉ đạo công tác phối hợp với các ban, bộ, ngành, địa phương về lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách.
2. Đề xuất ý kiến để đưa ra thảo luận và quyết nghị trong Đảng đoàn; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, kết luận của Đảng đoàn; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực được phân công, uỷ quyền.
3. Tham dự đầy đủ các kỳ họp của Đảng đoàn và đóng góp ý kiến xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch công tác của Đảng đoàn; chấp hành sự phân công, uỷ quyền và tuân thủ nguyên tắc, chế độ làm việc của Đảng đoàn.

4. Được cung cấp thông tin, thảo luận, biểu quyết trong các kỳ họp của Đảng đoàn.

5. Dự họp và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề đã được thông nhất trong Đảng đoàn khi được phân công.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, uỷ quyền.

Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn của Bí thư Đảng đoàn

1. Là người đứng đầu Đảng đoàn, chỉ đạo chung, chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về hoạt động của Đảng đoàn.

2. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 8 Quy chế này và những nhiệm vụ khác theo sự phân công của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Trực tiếp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của Đảng đoàn; phụ trách công tác tổ chức, cán bộ theo quy định phân cấp quản lý.

4. Quyết định nội dung, chương trình họp của Đảng đoàn.

5. Thay mặt Đảng đoàn ký các văn bản hoặc ủy quyền cho Phó Bí thư Đảng đoàn ký các văn bản trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Trong trường hợp thật sự cần thiết, do chưa kiện toàn được chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng đoàn hoặc cả Bí thư, Phó Bí thư Đảng đoàn vắng mặt tại cơ quan, có thể ủy quyền cho 1 thành viên Đảng đoàn chuyên trách công tác Mặt trận ký văn bản.

6. Sau mỗi kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương Đảng, có trách nhiệm tuyên bố nhanh những nội dung cơ bản của nghị quyết Trung ương đến cán bộ chủ chốt trong cơ quan; chỉ đạo việc triển khai kế hoạch thực hiện các nội dung trong nghị quyết liên quan đến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

7. Chỉ đạo việc cung cấp thông tin cho các thành viên Đảng đoàn theo quy định tại Khoản 4, Điều 8 Quy chế này.

Điều 10. Trách nhiệm, quyền hạn của Phó Bí thư Đảng đoàn

1. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Giúp Bí thư Đảng đoàn chỉ đạo giải quyết các công việc thường xuyên của Đảng đoàn; tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Đảng đoàn.

3. Thay mặt Bí thư Đảng đoàn giải quyết công việc khi Bí thư Đảng đoàn vắng mặt; chủ trì phiên họp và ký các văn bản của Đảng đoàn khi được Bí thư Đảng đoàn phân công, ủy quyền.

4. Chịu trách nhiệm trước Đảng đoàn và Bí thư Đảng đoàn về những công việc được phân công, ủy quyền.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đảng đoàn, Bí thư Đảng đoàn.

Điều 11. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Đảng đoàn là Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ

Ngoài việc thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo quy định tại Điều 8 Quy chế này, còn thực hiện trách nhiệm, quyền hạn sau:

1. Đề xuất, chuẩn bị và trình Đảng đoàn về tổ chức bộ máy, nhân sự, chế độ, chính sách đối với cán bộ diện Đảng đoàn xem xét, quyết định.
2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đảng đoàn, Bí thư, Phó Bí thư Đảng đoàn.

Chương IV QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 12. Quan hệ với Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Đảng đoàn chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tổ chức thực hiện Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng. Tham mưu, đề xuất những chủ trương, giải pháp quan trọng liên quan đến công tác Mặt trận, tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Bảo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng đoàn.

Điều 13. Quan hệ với các ban, cơ quan đảng ở Trung ương

1. Đảng đoàn chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các ban, cơ quan đảng ở Trung ương về việc triển khai, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ chính trị, công tác tổ chức, cán bộ của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Phối hợp tham mưu, đề xuất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các quan điểm, định hướng, chủ trương, chính sách lớn trên các lĩnh vực hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và công tác tổ chức, cán bộ theo quy định phân cấp quản lý.

3. Kịp thời báo cáo những vấn đề có liên quan khi các ban, cơ quan đảng ở Trung ương có yêu cầu; bảo đảm đề cập bộ theo dõi địa bàn của các ban, cơ quan đảng ở Trung ương thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định.

4. Phối hợp, xem xét thống nhất về quan điểm, giải pháp quyết một số vụ việc lớn, phức tạp, nhạy cảm liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội, bảo đảm đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 14. Quan hệ với Đảng đoàn Quốc hội

Mối quan hệ với Đảng đoàn Quốc hội là phối hợp công tác, lãnh đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

1. Phối hợp lãnh đạo việc chuẩn bị, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, các vấn đề liên quan đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Phối hợp lãnh đạo thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến trách nhiệm của mỗi bên.

Điều 15. Quan hệ với Ban cán sự đảng Chính phủ

Mối quan hệ với Ban cán sự đảng Chính phủ là phối hợp công tác, lãnh đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

1. Phối hợp triển khai đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm tập hợp, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; tuyên truyền, vận động Nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động mang tính toàn dân, toàn diện.

2. Phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện các quy hoạch chiến lược, kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án quan trọng quốc gia.

3. Lãnh đạo việc tham gia ý kiến, góp ý phản biện các nội dung quan trọng khi có đề nghị của Ban cán sự đảng Chính phủ.

Điều 16. Quan hệ với Đảng ủy Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Đảng đoàn (trực tiếp là Bí thư, Phó Bí thư, thành viên Đảng đoàn công tác tại Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) phối hợp với Đảng ủy Cơ quan theo nguyên tắc, chế độ làm việc được quy định tại Khoản 2, Điều 5 và Khoản 1, Điều 6 của Quy chế.

1. Phối hợp trong việc tổ chức học tập, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng; lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định, kết luận của Đảng đoàn liên quan đến thực hiện nhiệm vụ chính trị; lãnh đạo công tác kiểm tra và

trao đổi ý kiến đối với những nội dung về công tác cán bộ theo quy định về phân cấp, uỷ quyền; xây dựng Đảng bộ Cơ quan trong sạch, vững mạnh.

2. Thông báo kịp thời với Đảng uỷ Cơ quan những chủ trương, nghị quyết của Đảng đoàn liên quan đến nhiệm vụ chính trị của Cơ quan Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để Đảng uỷ Cơ quan góp ý kiến, phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

3. Định kỳ 6 tháng một lần hoặc khi cần thiết, Đảng đoàn đại diện Đảng uỷ Cơ quan phối hợp với Thủ trưởng cơ quan thông báo tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, chế độ, chính sách trong cơ quan và các nhiệm vụ khác có liên quan để có chủ trương, biện pháp chỉ đạo, phối hợp giải quyết kịp thời.

Điều 17. Quan hệ với Ban Thường trực, với Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Đảng đoàn lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành chủ trương, nghị quyết, kết luận về các nhiệm vụ nêu tại Điều 2 Quy chế này để Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triển khai thực hiện theo quy định.

2. Căn cứ nghị quyết, kết luận của Đảng đoàn, Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành văn bản cụ thể hoá, đồng thời triển khai, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Đảng đoàn tạo điều kiện để Ban Thường trực và Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, tách nhiệm được giao theo quy định.

Điều 18. Quan hệ với Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương

1. Đảng đoàn phối hợp với Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương trong công tác xây dựng Đảng theo phân công, phân cấp; định kỳ hằng năm hoặc khi cần thiết thì chủ động trao đổi ý kiến với Ban Thường vụ Đảng uỷ Khối để kịp thời phối hợp công tác.

2. Phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng theo quy định đối với đảng viên diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

3. Các thành viên Đảng đoàn chuyên trách công tác Mặt trận phối hợp tham gia ý kiến với Đảng uỷ Khối đối với nhân sự cấp uỷ thuộc Đảng bộ Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 19. Quan hệ với đảng đoàn các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Quan hệ giữa Đảng đoàn với đảng đoàn các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là quan hệ phối hợp để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

1. Phối hợp lãnh đạo thực hiện về quyền và trách nhiệm là tổ chức thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc của các tổ chức thành viên và các chương trình công tác có liên quan đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.

2. Phối hợp nắm tình hình, tâm tư, nguyện vọng của hội viên, đoàn viên, thành viên để đề xuất với Đảng, Nhà nước có những chủ trương, chính sách phù hợp, kịp thời.

3. Xem xét, thông nhất về quan điểm, đường lối giải quyết một số vụ việc lớn, phức tạp, nhạy cảm liên quan đến quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có tác động lớn đến xã hội, bao đảm đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 20. Quan hệ với các đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương, Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương

Quan hệ giữa Đảng đoàn với các đảng đoàn, ban cán sự đảng ở Trung ương, Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương là quan hệ phối hợp để thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 21. Quan hệ với các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương

1. Đảng đoàn phối hợp với các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng ở các đơn vị, lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý hoặc liên quan đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên địa bàn.

2. Phối hợp kịp thời, đầy đủ, chặt chẽ trong công tác tổ chức cán bộ, đảng viên theo quy định phân cấp quản lý.

3. Khi cần thiết, thành viên Đảng đoàn theo lĩnh vực được phân công trao đổi với cấp uỷ địa phương về nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nghe ý kiến và phối hợp cùng cấp uỷ địa phương giải quyết các vấn đề có liên quan; trường hợp có ý kiến khác nhau thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Phối hợp nắm tình hình, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân để đề xuất với Đảng, Nhà nước có những chủ trương, chính sách phù hợp, kịp thời.

5. Phối hợp, xem xét thống nhất về quan điểm, giải pháp giải quyết một số vụ việc lớn, phức tạp, nhạy cảm liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có tác động lớn đến xã hội, bảo đảm đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 22. Các mối quan hệ công tác khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và yêu cầu thực tiễn, Đảng đoàn có thể xây dựng Quy chế phối hợp công tác với các cấp uỷ, tổ chức đảng có liên quan phù hợp với tình hình tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các tỉnh uỷ, thành uỷ; các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng uỷ trực thuộc Trung ương, cơ quan lãnh đạo các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung thì Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Lương Cường

